

XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VƯỜN ĐỒI, VƯỜN NHÀ TẠI HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Huỳnh Thị Thanh Thủy

Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên

MỞ ĐẦU

Đắk Song là vùng có địa hình khá phức tạp, chia cắt mạnh, đất có độ dốc lớn từ 15 - 40°. Đây cũng là một trong những vùng có tài nguyên đất dồi dào, tầng đất canh tác dày và màu mỡ, có tiềm năng phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, hồ tiêu và cây ngắn ngày như sắn, ngô, khoai lang, đậu đỗ và rau xanh các loại có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, việc khai thác rừng ở ạt chủ yếu để lấy đất trồng cà phê thuần, chưa chú trọng đến việc đa dạng hóa sản phẩm trên một vườn cây để sử dụng tối ưu tài nguyên đất đai, khí hậu, nhân lực,... hạn chế được rủi ro giá cả của các mặt hàng nông sản trên thị trường. Bên cạnh đó, việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết (bón phân cân đối, trồng xen canh, luân canh, giống mới,...) chưa đồng bộ làm cho năng suất và hiệu quả cây trồng chưa tương xứng với điều kiện sinh thái vùng và thiếu tính bền vững.

Trong những năm gần đây, kinh tế vườn giữ vai trò quan trọng trong việc sử dụng hiệu quả đất đai, lao động và tài nguyên tại huyện Đắk Song. Việc phát triển kinh tế vườn bằng việc trồng cây cà phê là giải pháp có hiệu quả tại vùng này. Qua tìm hiểu tình hình sản xuất nông lâm nghiệp của người dân ở huyện Đắk Song cho thấy với cây trồng lâu năm thì cà phê là cây trồng chủ lực của vùng và năng suất trung bình toàn huyện chưa cao, đạt 2 - 3 tấn/ha. Bên cạnh đó, những diện tích đất còn lại có điều kiện tự nhiên bất lợi như: không chủ động nguồn nước tưới, nằm ở đồi húng gió, đất sỏi đá thì hầu hết trồng cà phê kém hiệu quả vì cho năng suất thấp đạt từ 1,5 - 2 tấn nhân/ha.

Xuất phát từ thực tế đó, việc triển khai đề tài “*Xây dựng mô hình phát triển kinh tế vườn đồi, vườn nhà tại huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông*” được đặt ra là cần thiết và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

- Điều tra hiện trạng canh tác sản xuất nông lâm nghiệp của huyện Đắk Song.
- Xây dựng mô hình kinh tế vườn đồi, vườn nhà tại xã Thuận Hạnh và xã Nam Bình huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu và các chỉ tiêu quan trắc; phân tích hiệu quả kinh tế; đánh giá tác động xã hội; đánh giá tác động môi trường; tính toán và xử lý số liệu.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả hiện trạng sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện Đắk Song

Qua điều tra cho thấy, diện tích đất bỏ hóa ở các hộ điều tra trên địa bàn 2 xã Nam Bình và Thuận Hạnh với diện tích từ 0,5ha trở lên chiếm tỷ lệ trên 46%. Từ đó cho thấy, hiện trạng canh tác trên địa bàn còn lãng phí một quỹ đất tương đối lớn có thể được khai thác một cách hiệu quả hơn thông qua việc xây dựng các mô hình nông lâm nghiệp bền vững.

Bảng 1: Hiệu quả kinh tế các loại cây trồng chính trên địa bàn

Loại cây trồng	N.suất (tấn/ha)	Giá bán* (1.000 đ)	Tổng thu (1.000 đ)	Chi phí (1.000 đ)	Lợi nhuận (1.000 đ)	Ghi chú
Cà phê (đồi khuất gió)	3,5	25	82.500	38.000	44.500	
Cà phê (đồi hứng gió)	2,1	25	52.500	30.000	22.500	
Tiêu	3,5	32	112.000	40.000	72.000	
Khoai lang	21	3,5	73.500	35.000	38.500	2 vụ
Bí đỏ	24	2,0	56.320	25.000	31.320	2 vụ
Ngô lai	16	3,0	48.000	20.000	28.000	2 vụ

* Là giá bán tính vào thời điểm năm 2009

2. Kết quả xây dựng mô hình vườn đồi, vườn nhà tại huyện Đắk Song

- Mô hình vườn đồi:

+ Tăng trưởng và năng suất rừng trồng: Sau 3 năm trồng, cây keo lai các địa điểm nghiên cứu có lượng tăng trưởng bình quân chung đạt 2,41 - 2,48cm về đường kính gốc và 2,51 - 3,05m về chiều cao cây. Cây xoan ta tại các địa điểm nghiên cứu có lượng tăng trưởng bình quân chung 3 năm đạt 2,38 - 2,45cm về đường kính gốc và 2,09 - 2,66m về chiều cao cây.

+ Sinh trưởng và phát triển của các loài cây ăn quả: Kết quả cho thấy tuy chỉ mới sau 3 năm trồng nhưng cả 3 loại cây ăn quả (bơ, mít nghệ, mắc ca) được trồng trong mô hình bước đầu đã cho tỷ lệ ra hoa đậu quả tương đối cao. Điều này cho thấy điều kiện sinh thái trên địa bàn rất có triển vọng để phát triển các loại cây trồng này.

Bảng 2: Hiệu quả kinh tế của các mô hình vườn đồi sau 6 năm trồng

Địa điểm	Mô hình	Chi phí (tr.đồng)	Doanh thu (tr.đồng)	Lợi nhuận (tr.đồng)	Lợi nhuận TB năm	Chỉ tiêu so sánh		
						NPV (tr.đồng)	IRR(BCR(1

		g)			(tr.đồng)	g)	(%)	ần)
Nam Bình	1	43,64	74,20	30,56	5,10	11,90	11	1,33
	2	45,01	66,30	21,29	3,55	5,72	5	1,15
	3	59,80	76,95	17,15	2,86	0,39	0	1,01
	4	33,84	70,25	36,41	6,07	15,29	13	1,54
	ĐC	39,20	67,00	27,80	4,63	-	-	-
Thuận Hạnh	1	43,64	64,49	20,85	3,48	5,59	5	1,16
	2	45,01	55,80	10,79	1,80	1,08	-1	0,97
	3	59,80	95,25	35,45	5,91	12,84	8	1,25
	4	33,86	60,41	26,55	4,43	6,52	6	1,24
	ĐC	95,70	131,6	35,90	11,97	-	-	-

Giá trị NPV với tỷ suất chiết khấu $r = 10\%$

- Mô hình vườn nhà:

+ Kết quả về sinh trưởng và phát triển các loại cây trồng trong mô hình

Sau 6 tháng trồng và 7 tháng ghép, các loại cây trồng đã đi vào ổn định và phần lớn vườn cây vẫn duy trì tỷ lệ sống đáng kể từ 85 - 98%.

Sau hơn 01 năm ghép cải tạo, cây cà phê đã bắt đầu cho thu hoạch bói. Cây bơ và mắc ca tại mô hình cải tạo vườn tạp sau 12 tháng trồng, sinh trưởng ở mức trung bình. Nếu so sánh khả năng sinh trưởng của cây bơ và cây mắc ca sau một năm trồng ở mô hình vườn đôi và vườn tạp thì cho thấy cây mắc ca và cây bơ ở mô hình vườn tạp sinh trưởng chậm hơn so với cây bơ và mắc ca trồng ở mô hình vườn đôi, nguyên nhân một phần là do bị che bóng bởi một số loại cây trồng hiện có trên vườn, trong khi đó ở mô hình vườn đôi cây nhận được đầy đủ ánh sáng hơn.

Bảng 3: Năng suất chênh lệch các loại cây trồng trước và sau cải tạo mô hình (kg/cây)

Địa điểm	Loại cây trồng	MH 1 - Ghép cải tạo CP với			MH 2 - Cải tạo vườn tạp		
		Trước cải tạo *	Sau cải tạo **	Chênh lệch	Trước cải tạo *	Sau cải tạo **	Chênh lệch
Nam Bình	Cà phê	1,5	2,7	+ 1,2	1,2	2,1	+ 0,9
	Tiêu				1,3	2,1	+ 0,8
	Sầu riêng				60,0	93,0	+ 33,0
Thuận Hạnh	Cà phê	1,7	3,1	+ 1,4	2,4	3,0	+ 0,6
	Sầu riêng				35,5	60,0	+ 24,5

* Trước cải tạo: Năng suất các loại cây trồng tính năm 2009.

**** Sau cải tạo: Năng suất cà phê tính năm 2012, NS hồ tiêu và sầu riêng tính trung bình 2 năm (2011-2012).**

Năng suất cây cà phê sau 3 năm ghép cải tạo tại các mô hình thí nghiệm đạt từ 2,1 - 3,1kg/cây (trước cải tạo từ 0,9 - 1,4 kg/cây). Năng suất cây hồ tiêu tại mô hình cải tạo vườn tạp xã Nam Bình đạt 2,1kg/trụ (trước cải tạo là 0,8kg/trụ). Kết quả đạt được như vậy là nhờ vào việc áp dụng tốt các biện pháp kỹ thuật vào vườn cây như: bón phân cân đối, bảo vệ thực vật, điều chỉnh mật độ cây che bóng.

Năng suất cây sầu riêng tại mô hình cải tạo vườn tạp đạt 60,0 - 93,0kg/cây (trước cải tạo 24,5 - 33,0kg/cây).

Bảng 4: Năng suất thực thu các loại cây trồng tại các mô hình vườn nhà (kg)

Địa điểm	Mô hình	Loại cây trồng	Trước cải tạo			Sau cải tạo			Chênh lệch NS/MH
			Số cây	NS cây	NS mô hình	Số cây	NS cây	NS mô hình	
Nam Bình	1	Cà phê	500	1,5	750	500	2,7	1.350	+ 600
		Cà phê	350	1,2	420	350	2,1	735	+ 315
	2	Tiêu	50	1,3	65	50	2,1	105	+ 40
		Sầu riêng	10	50,0	500	6	93,0	558	+ 58
Thuận Hạnh	1	Cà phê	500	1,7	850	500	3,1	1.550	+ 700
		Cà phê	400	2,4	960	400	3,0	1.200	+ 240
	2	Sầu riêng	6	35,5	212	3	60,0	180	- 32

Kết quả tại bảng trên cho thấy hầu hết năng suất các loại cây trồng tính tổng thể cho toàn mô hình thí nghiệm đều tăng so trước cải tạo, ngoại trừ cây sầu riêng tại mô hình cải tạo vườn tạp xã Thuận Hạnh năng suất trung bình trên cây thì tăng nhưng năng suất toàn mô hình thì không tăng vì lý do đã loại bỏ 3 cây sầu riêng cho năng suất thấp và kém chất lượng.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

- Mô hình vườn đồi

+ Sản lượng gỗ keo lai ước tính vào thời điểm khai thác sau 6 năm trồng ở các mô hình vườn đồi đạt được là khá cao, ở cả hai địa điểm trồng đạt từ 171,8 - 186,7 m³/ha. Sản lượng gỗ xoan ta đạt khá thấp, trung bình tại 2 địa điểm là 78,7 m³/ha sau 6 năm trồng.

+ Các loại cây ăn quả trong mô hình vườn đồi tại các địa điểm nghiên cứu sau 3 năm trồng sinh trưởng và phát triển khá tốt. Tỷ lệ cây ra hoa của cây mắc ca và bơ trung bình từ 27,5 - 41,3% và tỷ lệ cây đậu quả tương ứng từ 6,7 -

22,7%. Cây mắc ca cho tỷ lệ cây ra hoa trung bình từ 18,8 - 47,3% và tỷ lệ cây đậu quả tương ứng từ 4,2 - 7,1%.

+ Bằng phương pháp hạch toán trực tiếp cho thấy các mô hình vườn đồi tại xã Nam Bình đều cho hiệu quả kinh tế sau 6 năm trồng, trong đó mô hình 4 trồng thuần keo lai cho hiệu quả kinh tế cao nhất với lợi nhuận thu được 36,41 triệu đồng. Tiếp đến là mô hình 1 (Keo lai - Mít - Bơ) với lợi nhuận là 30,56 triệu đồng. Mô hình 1 và 4 cũng thể hiện cho lợi nhuận cao hơn so với mô hình đối chứng trồng thuần bạch đàn đỏ từ 2,76 - 8,61 triệu đồng.

+ Các mô hình vườn đồi tại xã Thuận Hạnh sau 6 năm trồng: mô hình 3 (Mắc ca - Mít - Bơ) cho hiệu quả kinh tế cao nhất với lợi nhuận thu được 35,45 triệu đồng. Tiếp đến là mô hình 4 trồng thuần keo lai cho lợi nhuận là 26,55 triệu đồng. Thấp nhất là mô hình 2 (Xoan ta - Mít - Bơ) cho lợi nhuận là 10,79 triệu đồng bởi vì cây xoan ta sinh trưởng kém và không cho hiệu quả kinh tế.

+ Bằng phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế CBA với tỷ suất chiết khấu bằng lãi vay ($r = 10\%$) sau 6 năm trồng cho thấy phần lớn các mô hình vườn đồi tại các địa điểm nghiên cứu cho lợi nhuận ròng NPV lớn hơn 0 và tỷ suất thu nhập trên chi phí BCR lớn hơn 1 (ngoại trừ mô hình 2 trồng Xoan ta - Mít - Bơ tại xã Thuận Hạnh) chứng tỏ các mô hình vườn đồi này có lãi.

+ Ngoài hiệu quả kinh tế, các mô hình vườn đồi mang lại hiệu quả xã hội và môi trường cao, các mô hình sử dụng hợp lý đất đai, giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện đất đai bằng các kỹ thuật canh tác.

+ Kết quả xây dựng các mô hình vườn đồi của đề tài có thể nhân rộng trên địa bàn huyện Đắk Song và vùng lân cận. Tùy thuộc vào địa hình đất đai (độ dốc, nguồn nước tưới, hướng gió) để chọn loại mô hình thích hợp.

- Mô hình vườn nhà

+ Bằng phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế CBA với tỷ suất chiết khấu bằng lãi vay ($r = 10\%$) trong giai đoạn 3 năm thì mô hình ghép cải tạo vườn cà phê vối tại xã Thuận Hạnh cho lợi nhuận ròng cao nhất đạt 19,1 triệu đồng tính cho 0,5 ha. Tiếp đến là mô hình ghép cải tạo vườn cà phê vối tại xã Nam Bình cho lãi lợi nhuận ròng là 15,2 triệu đồng. Thấp nhất là mô hình cải tạo vườn tạp xã Thuận Hạnh cho lợi nhuận ròng đạt 13,7 triệu đồng.

+ Các mô hình vườn nhà được sự chấp thuận cao và ủng hộ nhiệt tình của người dân tham gia nhân rộng trên địa bàn huyện Đắk Song và các vùng lân cận.

2. Kiến nghị

Tiếp tục theo dõi các mô hình, đặc biệt là các mô hình vườn đồi trong những năm tiếp theo để có thể đánh giá một cách toàn diện hiệu quả của mô hình.

(Trong trường hợp quý bạn đọc có nhu cầu tìm hiểu rõ hơn về đề tài hoặc tham khảo báo cáo đầy đủ của đề tài. Vui lòng liên hệ:

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông. SĐT: 05013.600.333)